

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ CÔNG TÂY
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: 121/2024/HN-ST

Ngày: 13/5/2024

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Trương Nguơn

Bà Nguyễn Thị Nhân

- Thư ký phiên tòa: Bà **Trần Thị Ngọc Thúy** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 13 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 28/2024/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2024 về tranh chấp “Xin ly hôn”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2024/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 04 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 32/2024/QĐST-HN ngày 26 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: **Trương Thị Ngọc B**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: số 240/10/31A, Lư Hữu Phước, phường 15, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh

+ Bị đơn: **Lưu Minh C**, sinh năm 1966.

Địa chỉ: ấp Bình Hòa Đông, xã Bình Nhì, huyện Gò Công Tây, Tiền Giang.

(Chị B xin vắng mặt, anh C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn chị B trình bày:

Chị và anh C do quen biết tiến đến hôn nhân có tổ chức cưới nhau năm 2010 và có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân phường 15, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 08/02/2010. Sau khi kết hôn thì cuộc sống vợ chồng hạnh phúc được sáu đến bảy tháng thì xảy ra mâu thuẫn do anh C về sinh nhật con thì quay lại chung sống với người vợ trước và sau này anh có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ khác, chị bắt gặp, anh C không lo lắng, chăm sóc gia đình mà còn chửi mắng chị nên anh chị đã ly thân từ cuối năm 2018

đến nay. Trong thời gian ly thân anh C cũng không liên lạc để đoàn tụ.

Nay, chị thấy tình cảm không còn nên yêu cầu cầu được ly hôn với anh C.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung và nợ chung: Không có

* Bị đơn anh C vắng mặt, mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của chị B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng, quan hệ tranh chấp: Chị B, anh C tự nguyện tiến tới hôn nhân, tổ chức cưới năm 2010, có đăng ký kết hôn được Ủy ban nhân dân Phường 15, Quận 8, thành phố Hồ Chí Minh cấp giấy chứng nhận kết hôn số 04 ngày 08/01/2010 là hôn nhân hợp pháp. Nay tranh chấp được xem xét giải quyết theo Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định Điều 28, 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh C đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh C.

[2] Về nội dung:

Hội đồng xét xử nhận thấy, mâu thuẫn chị B trình bày là có xảy ra bởi lẽ chị B cho rằng, chị và anh C cưới nhau từ năm 2010 chung sống hạnh phúc được sáu đến bảy tháng thì phát sinh mâu thuẫn không tự giải quyết được, anh C không chăm lo cuộc sống gia đình nhưng anh chị không khắc phục để kéo dài làm ảnh hưởng hạnh phúc vợ chồng. Thời gian anh chị ly thân đã lâu từ năm 2018 đến nay, trong thời gian ly thân chị B, anh C không có biện pháp hàn gắn tình cảm, vì vậy khả năng vợ chồng đoàn tụ không thể xảy ra, mục đích hôn nhân không đạt được. Hơn nữa, Tòa án nhiều lần mời anh C đến hòa giải đoàn tụ nhưng anh không đến, điều này thể hiện anh C không còn thiết tha gì đến tình cảm, hạnh phúc vợ chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị B là có cơ sở cần được chấp nhận phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[3] Về con chung: Không có

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị B khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị B phải chịu án phí theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ Điều 227, Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trương Thị Ngọc B.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trương Thị Ngọc B được ly hôn với anh Lưu Minh C.
- Về con chung: Không có.
- Về tài sản chung và nợ chung: Chị B khai không có.
- Về án phí hôn nhân sơ thẩm:

Chị Trương Thị Ngọc B phải chịu số tiền 300.000đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng chị được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng theo biên lai số 0009245 ngày 05/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây. Như vậy, chị B đã nộp xong án phí.

Anh C, chị B kháng cáo đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm kể từ ngày Tòa án tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

*** Nơi nhận:**

- TAND tỉnh TG;
- VKSND huyện GCT;
- C.c. THADS huyện GCT ;
- Nõông sở;
- UBND phường 15, Quận 8;
- Lưu hồ sơ.

(ĐÃ KÝ)

Phan Thanh Bình